

## CÓ HAY KHÔNG CHẤT “MỆ” TRONG PHONG CÁCH ỨNG XỬ VĂN HOÁ CỦA NGƯỜI HUẾ

NGUYỄN HỮU THÔNG

“**M**ệ Huế”, từ gọi không chính thức, nhưng thường được sử dụng, nhất là khi người ngoại tỉnh cần đối sánh tính cách người Huế với nơi khác, bao hàm ý nghĩa thân mật, pha chút dí dỏm, nhưng không phải không có dụng ý của người so sánh.

“Các Mệ”, là từ dùng để chỉ tầng lớp quý tộc nhà Nguyễn, các hoàng thân cư trú trong thành hoặc ở những phủ đệ quanh Huế. Từ nghĩa hẹp ấy, “Mệ Huế” đã trở thành khái niệm bao hàm một số thuộc tính của người Huế, hằn lên trong tính cách và lối ứng xử khiến trong nhận xét của người nơi khác ở một chừng mực nào đó, không còn dành riêng để chỉ tầng lớp quý tộc Nguyễn nữa.

### \* “Các Mệ”: tầng lớp quý tộc trong buổi mặt kỳ phong kiến Việt Nam

Quý tộc Nguyễn tồn tại trong một giai đoạn, khi hệ ý thức cũng như phương thức sản xuất phong kiến đã không còn phổ biến trên quy mô thế giới, tất nhiên, nó đã không còn là động lực thúc đẩy xã hội phát triển nữa thì các vua Nguyễn vẫn cố giữ và tin vào sự bền vững của “trục thân đạo” theo những nguyên tắc của “anh hai” triều nhà Thanh. Và dường như càng đứng trước những thách thức của cái mới mà mình cố tình phủ nhận lại càng cực đoan hơn trong việc bảo vệ cái cũ. Thái độ cực đoan của các vua Nguyễn thể hiện rõ trong chính sách trung ương tập quyền, bế quan toả cảng, không quan tâm đến những điều trần có tính cải cách của những kẻ thức thời như Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch..., khẳng định lại tứ thư, ngũ kinh bằng những khoa thi Hương, đào tạo Nho sĩ, tồn tại mãi đến đầu thế kỷ XX.

Những điều đã nêu, dụng ý của chúng tôi không nhằm phê phán, bởi nó không thuộc phạm vi của đề tài. Nhưng hệ quả của nó phần nào chính là những điều đang phân tích ở đây.

Khi lực lượng cũng như hệ ý thức chỉ đạo đất nước không còn phát huy tính tích cực của nó, hay nói một cách khác không còn phù hợp với quy luật phát triển khách quan nữa, nó sẽ trở thành vật cản, làm nghèo đất nước, nghèo đi nhiều mặt, và trong đó cái dễ nhìn thấy nhất là yếu tố vật chất, tiềm lực kinh tế. Cho dù thời Nguyễn chính là lúc tiềm năng, vật lực, dân số, đất đai của đất nước Việt Nam lớn nhất trong lịch sử, nhưng sự kiện này không đồng nghĩa với sự phát triển kinh tế, đời sống người Việt Nam hay cụ thể hơn với chính tầng lớp lãnh đạo thời bấy giờ: Quý tộc và quan lại triều Nguyễn.

Việc chấn chỉnh và kiến tạo lại đất nước sau một thời gian dài bất ổn định của hai vị vua đầu (Gia Long, Minh Mạng) không được bao lâu thì triều đình và cả dân tộc đã phải đứng trước hiểm hoạ xâm lăng của thực dân phương Tây. Mọi trí tuệ và sức lực đều phải dồn vào việc đương đầu với quan xâm lược, cho dù, mọi phương sách đối phó thời bấy giờ đã tỏ ra không có hiệu quả bởi nhiều nguyên nhân. Tầng lớp quý tộc từ triều đại Tự Đức trở đi đã bắt đầu lâm vào cảnh khó khăn, mặc dầu trước đó đã không lấy gì làm phong phú. Cái mắt dễ nhìn thấy nhất ở đây là điều kiện của cuộc sống vật chất ở một số không ít thuộc tầng lớp hoàng gia Nguyễn đã sa sút, thậm chí thiếu thốn. Họ đã hoàn toàn mất sự đồng bộ giữa thực tế với những vầng hào quang của danh phận trong xã hội quân chủ. “Các Mệ” đã tồn tại như thế trong suốt thời gian còn lại của thời kỳ cuối cùng phong kiến Việt Nam.

### \* Chất biểu hiện của “Mẹ”

Ở Huế, lưu truyền nhiều giai thoại về tầng lớp quý tộc Nguyễn mà người ở đây gọi là “chuyện các Mẹ”, đó là những mẩu chuyện vui, ý nhị..., nhưng đượm chất bi hài, phản ánh sự giằng co giữa thân phận và thực tế trong giai tầng quý tộc.

Khi thực dân Pháp nắm hết quyền hành, các vua Nguyễn sau triều đại Tự Đức hoặc được dựng lên do thế lực của các quan đại thần thao túng triều chính, hoặc do sự sắp xếp của chính quyền thuộc địa. Từ vua Dục Đức, Hiệp Hoà, Kiến Phúc với hoàn cảnh bi đát và ngán ngùi, cho đến những vị vua sớm nhận ra thân phận ấy, bỏ ngai vàng tham gia hoạt động chống thực dân như vua Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân. Cuối cùng, điển hình cho sự bất lực hoàn toàn trước súng đồng và thế lực vật chất phương Tây là hình ảnh của vua Đồng Khánh, Khải Định, Bảo Đại. Bi kịch của bản thân lẫn thời đại của những vị vua cuối cùng khiến triều đình Huế chẳng còn gì, ngoài chiếc ngai vàng lạnh lẽo và một đám quần thần bạc nhược. Điều đáng nói là trong giai đoạn này, người Pháp dù đã thao túng toàn bộ chính quyền trung ương Huế và Việt Nam đã trở thành nước thuộc địa của Pháp, nhưng thực ra vẫn là kiểu thuộc địa nửa phong kiến. Ngai vàng và hoàng đế còn đó, và tầng lớp quý tộc đương nhiên vẫn là “cành vàng, lá ngọc” trong quốc gia phong kiến đương thời. Vòng “nguyệt quế” dành cho giới hoàng thân dù là ảo ảnh vẫn không thể rời khỏi nếp nghĩ của “Mẹ”. Cho nên, các “Mẹ” vẫn phải giữ đúng danh phận là dòng dõi con vua cháu chúa trong nếp sinh hoạt lẫn trong cách cư xử.

“Mẹ” nghèo, có thể mặc áo rách, áo cũ nhưng vẫn phải trên nền gấm, nền nhiễu... quý phái, xa hoa. “Mẹ” dù mất chất uy vũ của dòng dõi “thế thiên, hành đạo” nhưng tác phong vẫn phải đường bệ, ngôn ngữ cũng phải hào sảng, hý lộng, mang khẩu khí của bậc trưởng thượng bề trên... Những lo toan đời thường phải được “Mẹ” tảng lờ như không hề mảy may vướng bận. Dinh phủ đệ dù có ăn rau nhưng với thành cao, cổng kín không ai dám loạn ngôn nói điều nghi hoặc. “Mẹ” xem thường ba phú quý vinh hoa cho dù phải đoạn trường với nỗi ấy. Phải ban tặng khi cần, cho dù vật ban tặng “Mẹ” chẳng thể nào sắm lại. Phải biết bồng đùa hoá những lúc đám “bách tánh” thấy được mảnh đời vá vúi rất thật ở đằng sau của “Mẹ”. Càng về sau, “Mẹ” vi hành càng nhiều, sống gần gũi với đời thường, chia sẻ nhiều điều với lều rệu, quán nước và đám hàng rong...

“Mẹ” đã phải sống như vậy, cần sống như vậy và trong một chùng mực nào đó tạo nên một cách ứng xử đặc thù, lan toả ảnh hưởng đến làng trên, xóm dưới.

Người sống chốn kinh kỳ Huế không chỉ là các hoàng thân, mà còn là nơi tụ hội của quan lại, của những người đồ đạc, thành danh từ khắp nơi, của tầng lớp thượng lưu, nghệ sĩ, của những kẻ có chút danh vị trên nhiều lĩnh vực khác nhau... Trong xã hội phong kiến Nguyễn, các đối tượng ấy ở những mức độ khác nhau họ vẫn chịu sự thấm dẫm hào quang ân sủng của thời đại. Từ đó, họ có cùng tâm sự của lớp chúng nhân quyền quý thưở mặt kỳ. Sự bảo vệ tốt nhất những nét “lùng lẫy” của một thời không có gì hơn là phải tự tạo nên cho mình cốt cách khác với đám “thảo dân” bằng những động tác dường như thật, pha chút ảo giác nhẹ nhàng đối với chính mình lẫn với kẻ khác. Không phải là quyết định, nhưng theo chúng tôi, cách sống ấy vẫn rất ấn tượng đối với người Huế và tạo nên một sức lan toả nhất định. Chất “Mẹ” vẫn dễ thâm nhập vào khối cư dân chốn kinh kỳ vốn đã cùng với chất “Mẹ” chứng kiến những ngày tháng thăng trầm, vinh quang lẫn cay đắng... Đánh thức nét hào nhoáng của một thời hình như ai cũng cảm thấy cần một chút như thế.

### \* Chất “Mẹ”, một phần tính cách người Huế?

Nếp nghĩ, lối sống của một thời khi đã ngưng đọng thành cách ứng xử mang tính văn hoá thường rất khó mất đi, mà nó lại biểu hiện một cách thích hợp trong điều kiện sống mới. Sự hoà

nhập vào thể chế mới, xã hội mới. mọi ứng xử văn hoá đều phải có điều chỉnh nhưng những gì đã định hình từ truyền thống thường phải được gìn giữ để khỏi đánh mất chính mình.

Khi kinh đô Huế, đồng thời cũng được xem là cứ điểm cuối cùng của bộ máy nhà nước phong kiến Việt Nam. Chất “nặng cổ” theo tinh thần Nho giáo vì thế vẫn có lý do khách quan tồn tại dai dẳng hơn những vùng khác. Phụ nữ Huế vẫn ngại ngùng hơn khi phát huy năng lực đối ngoại. Dư luận Huế vẫn khắt khe hơn với những lối sống vọng ngoại. Từ đó, kéo theo tâm lý cân nhắc và ngần ngại trước sự tiếp thu cái mới. Văn hoá nô dịch của chủ nghĩa thực dân cũ lẫn chủ nghĩa thực dân mới đến Huế đều không được tiếp nhận một cách vô vập, gẫn như tất cả đều gặp những rào chắn vô hình của văn hoá bản địa và quan niệm nặng tính hoài cổ. Phụ nữ Huế không nhận được cái nhìn thiện cảm của mọi người khi đi với người ngoại quốc, khi mặc quần áo tươi sáng, rực rỡ hoặc qua kiểu cách, thời trang... Những tấm gương của lòng hiếu thảo, biết đến lễ nghi trong mối quan hệ dòng tộc, làng xóm, quê cha đất tổ..., thường được khen ngợi trên mức bình thường.

Và cũng chính vì để đưa ra những ví dụ về ảnh hưởng Nho giáo dai dẳng ở đây qua hình ảnh người phụ nữ Huế thì cũng chính từ đó chúng ta dễ thấy sự ức chế tồn tại ở người phụ nữ Huế nhiều hơn nam giới. Sự bộc phát tính cách mang tính chất giải toả ức chế của người phụ nữ Huế từ đó theo chúng tôi cũng rất mạnh mẽ.

Rất nhiều đô thị của những quốc gia phong kiến tồn tại trên loại hình nông nghiệp, thường ra đời không do nhu cầu của kinh tế hàng hoá. Nếu đô thị phương Tây là những trung tâm thương nghiệp, công nghiệp lớn hình thành một cách tự phát khi hội đủ những yếu tố trên thì đô thị của nhà nước phong kiến Việt Nam kiểu Huế ra đời do do chủ trương của triều đình, mang trọn vẹn chức năng chính trị, hành chính... Người dân sống ở đô thị kiểu Huế bỗng dung trở thành thị dân không trên cơ sở hình thành từ một quá trình hội tụ của những thương nhân với kinh tế, tiền của phong phú, dồi dào. Cho nên, khi chức năng chính trị, hành chính không còn, nó dễ nhanh chóng trở thành cảnh quan của của một khu sinh hoạt tĩnh lặng, thường mang không khí trầm lắng, điều kiện sống khó khăn. Sự hụt hẫng ấy dễ tạo nên tâm lý hoài cổ, thủ thế, giằng co giữa thực tế và cái đã mất. Cho nên, nếu có chất không bộc trực hay theo cách nói của cố giáo sư Từ Chi là ưa “giả dò” (giả vờ) hay chất tiểu võ, câu kỳ (nhận xét của giáo sư Phan Ngọc), theo chúng tôi, đều là sự ngưng đọng dưới dạng này hay dạng khác của lối sống thượng lưu, quý phái và thiếu thực lực của một thời.

Trong điều kiện mở rộng giao lưu và đối mặt với kinh tế thị trường hiện nay, đời sống vật chất nâng cao nhanh chóng của xã hội rất dễ nhìn thấy nhưng những sự mất mát, tổn thương đến những giá trị truyền thống không phải bao giờ cũng rõ ràng để chúng ta cảnh giác. Chính vì vậy, sự nóng vội, thiếu đồng bộ trong tiếp nhận cái mới bao giờ cũng dễ đưa đến những hậu quả không lường trước được. Huế e ngại, cân nhắc với cái mới quá đáng là một thiệt thòi, nhưng mặt khác, nó lại có điều kiện để thanh lọc trong việc tiếp nhận “của lạ” một cách tự nhiên, cũng có điều kiện thuận lợi gìn giữ bên vững hơn những giá trị truyền thống. Chúng ta không nên bàn nhiều đến cái hay cái dở từ khía cạnh này, vì đó là cách ứng xử theo kiểu Huế. Nhưng rõ ràng, việc điều chỉnh, dung hoà hợp lý trong tiếp nhận cái mới là điều rất cần thiết. Hạn chế những hệ quả gây nên tính e ngại trong việc tiếp cận với cái mới lạ cần đến sự thử thách, thiết nghĩ cũng là điều cần đến sự tác động hợp lý, làm thế nào để đồng thời vẫn giữ lại những gì đã tạo nên tâm lý bảo tồn bền vững cái hay của truyền thống là một bài toán cần giải đáp, nhưng phải từ sự phân tích, lý giải từ góc độ của nhiều ngành chuyên môn, nhiều cơ quan chức năng và nhiều thế hệ khác nhau.